

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### ***1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu***

- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Dự toán: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công đoàn Công ty TNHH Canon Việt Nam nhân dịp Kỷ niệm 25 năm thành lập Canon Việt Nam - tri ân Người lao động
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH Canon Việt Nam
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng; Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Địa điểm dự án: Lô A1, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

##### ***1.2. Yêu cầu về kỹ thuật***

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

###### ***a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:***

- Chung loại: Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “trương đơng” đối với các thông tin về hàng hoá.

- Tiêu chuẩn hàng hóa:

+ Chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO (nếu hàng hoá nhập khẩu), Giấy chứng nhận chất lượng CQ hoặc giấy tờ kiểm nghiệm và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.

+ Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đơng cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo)


*b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:*

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Các tiêu chuẩn được  $\pm 2\%$  với các chỉ số đơn vị, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo các chỉ số tối thiểu so với các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng hoặc tương đương.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSMT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

*Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:*

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn																																																																																
1	Áo đồng phục	<p data-bbox="618 323 1032 352"><b>I. HÌNH ẢNH SẢN PHẨM</b></p>  <p data-bbox="618 947 964 976"><b>II. BẢNG THÔNG SỐ</b></p> <p data-bbox="574 1003 1118 1033">Bảng thông số thành phẩm polo nam (DN)</p> <table border="1" data-bbox="574 1056 1430 1860"> <thead> <tr> <th data-bbox="574 1056 613 1161">S T T</th> <th data-bbox="613 1056 829 1161">CHI TIẾT ĐO/ SIZE</th> <th data-bbox="829 1056 894 1161">S</th> <th data-bbox="894 1056 967 1161">M</th> <th data-bbox="967 1056 1040 1161">L</th> <th data-bbox="1040 1056 1114 1161">XL</th> <th data-bbox="1114 1056 1187 1161">XX L</th> <th data-bbox="1187 1056 1260 1161">NC 1</th> <th data-bbox="1260 1056 1325 1161">NC 2</th> <th data-bbox="1325 1056 1430 1161">Dung sai ±</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="574 1161 613 1262">1</td> <td data-bbox="613 1161 829 1262">Dài áo đo giữa cổ TS</td> <td data-bbox="829 1161 894 1262">64</td> <td data-bbox="894 1161 967 1262">66</td> <td data-bbox="967 1161 1040 1262">68</td> <td data-bbox="1040 1161 1114 1262">70</td> <td data-bbox="1114 1161 1187 1262">72</td> <td data-bbox="1187 1161 1260 1262">73</td> <td data-bbox="1260 1161 1325 1262">75</td> <td data-bbox="1325 1161 1430 1262">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="574 1262 613 1362">2</td> <td data-bbox="613 1262 829 1362">Rộng vai</td> <td data-bbox="829 1262 894 1362">39, 5</td> <td data-bbox="894 1262 967 1362">41</td> <td data-bbox="967 1262 1040 1362">42, 5</td> <td data-bbox="1040 1262 1114 1362">44</td> <td data-bbox="1114 1262 1187 1362">45, 5</td> <td data-bbox="1187 1262 1260 1362">47</td> <td data-bbox="1260 1262 1325 1362">51, 5</td> <td data-bbox="1325 1262 1430 1362">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="574 1362 613 1463">3</td> <td data-bbox="613 1362 829 1463">½ Vòng ngực</td> <td data-bbox="829 1362 894 1463">46</td> <td data-bbox="894 1362 967 1463">48</td> <td data-bbox="967 1362 1040 1463">50</td> <td data-bbox="1040 1362 1114 1463">52</td> <td data-bbox="1114 1362 1187 1463">54</td> <td data-bbox="1187 1362 1260 1463">55</td> <td data-bbox="1260 1362 1325 1463">61</td> <td data-bbox="1325 1362 1430 1463">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="574 1463 613 1564">4</td> <td data-bbox="613 1463 829 1564">Dài tay( đã cộng bo)</td> <td data-bbox="829 1463 894 1564">19</td> <td data-bbox="894 1463 967 1564">20</td> <td data-bbox="967 1463 1040 1564">21</td> <td data-bbox="1040 1463 1114 1564">22</td> <td data-bbox="1114 1463 1187 1564">23</td> <td data-bbox="1187 1463 1260 1564">24</td> <td data-bbox="1260 1463 1325 1564">26</td> <td data-bbox="1325 1463 1430 1564">1</td> </tr> <tr> <td data-bbox="574 1564 613 1665">5</td> <td data-bbox="613 1564 829 1665">Rộng ½ cửa tay</td> <td data-bbox="829 1564 894 1665">15, 6</td> <td data-bbox="894 1564 967 1665">16, 3</td> <td data-bbox="967 1564 1040 1665">17</td> <td data-bbox="1040 1564 1114 1665">17, 7</td> <td data-bbox="1114 1564 1187 1665">18, 3</td> <td data-bbox="1187 1564 1260 1665">19</td> <td data-bbox="1260 1564 1325 1665">20, 5</td> <td data-bbox="1325 1564 1430 1665">0.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="574 1665 613 1766">6</td> <td data-bbox="613 1665 829 1766">Dài nẹp</td> <td colspan="7" data-bbox="829 1665 1325 1766">14</td> <td data-bbox="1325 1665 1430 1766">0.5</td> </tr> <tr> <td data-bbox="574 1766 613 1860">7</td> <td data-bbox="613 1766 829 1860">Rộng nẹp</td> <td colspan="7" data-bbox="829 1766 1325 1860">2.8</td> <td data-bbox="1325 1766 1430 1860">0.1</td> </tr> </tbody> </table>	S T T	CHI TIẾT ĐO/ SIZE	S	M	L	XL	XX L	NC 1	NC 2	Dung sai ±	1	Dài áo đo giữa cổ TS	64	66	68	70	72	73	75	1	2	Rộng vai	39, 5	41	42, 5	44	45, 5	47	51, 5	1	3	½ Vòng ngực	46	48	50	52	54	55	61	1	4	Dài tay( đã cộng bo)	19	20	21	22	23	24	26	1	5	Rộng ½ cửa tay	15, 6	16, 3	17	17, 7	18, 3	19	20, 5	0.5	6	Dài nẹp	14							0.5	7	Rộng nẹp	2.8							0.1
S T T	CHI TIẾT ĐO/ SIZE	S	M	L	XL	XX L	NC 1	NC 2	Dung sai ±																																																																									
1	Dài áo đo giữa cổ TS	64	66	68	70	72	73	75	1																																																																									
2	Rộng vai	39, 5	41	42, 5	44	45, 5	47	51, 5	1																																																																									
3	½ Vòng ngực	46	48	50	52	54	55	61	1																																																																									
4	Dài tay( đã cộng bo)	19	20	21	22	23	24	26	1																																																																									
5	Rộng ½ cửa tay	15, 6	16, 3	17	17, 7	18, 3	19	20, 5	0.5																																																																									
6	Dài nẹp	14							0.5																																																																									
7	Rộng nẹp	2.8							0.1																																																																									

8	Chiều cao	15 5- 16 0	16 1- 16 5	16 6- 17 0	17 1- 17 5	17 6- 18 0	18 0- 18 5	Trên 18 0	
9	Cân nặng	45- 55	56- 62	63- 69	70- 75	76- 82	83- 90	Trên 91	

**Bảng thông số thành phẩm polo nữ (DN)**

STT	CHI TIẾT ĐO/ SIZE	S	M	L	XL	XXL	NC 1	NC 2	Dung sai ±
1	Dài áo đo giữa cổ TS	57.5	59.5	61.5	63	64.5	65.5	68.5	1
2	Rộng vai	34.5	35.5	36.5	38	39.5	41	44	1
3	½ Vòng ngực	41	43	45	47	49	50	54	1
4	Rộng ½ cửa tay	13.5	14.3	15	15.7	16.3	17	18.5	1
5	Dài tay( đã cộng bo)	15	16.2	18.4	19	20.1	21.3	23.8	0.5
6	Dài nẹp	14							0.5
7	Rộng nẹp	2,5							0.1
8	Chiều cao	14 5- 15 0	15 1- 15 5	15 6- 16 0	16 1- 16 5	16 6- 17 0	17 1- 17 5	Trên 17 5	
9	Cân nặng	38- 42	43- 46	47- 53	54- 59	60- 65	66- 70	71- 75	

**III. BẢNG KÊ CHI TIẾT RẠP**

STT	Tên chi tiết	V/CHÍNH	V/PHỐI	KEO MÙNG
1	Thân trước	1		
2	Thân sau	1		
3	Chèn thân trước		2	
4	Tay giữa	2		


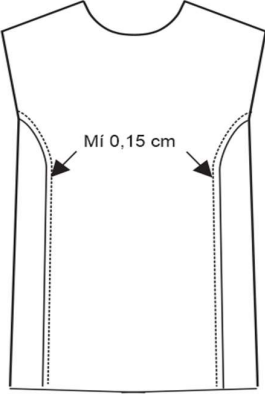
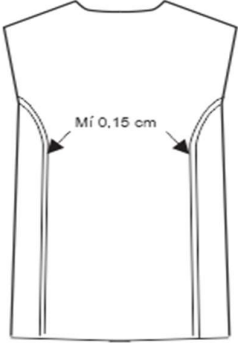
5	Chèn tay thân trước		2	
6	Chèn tay thân sau		2	
7	Nẹp áo	2		2

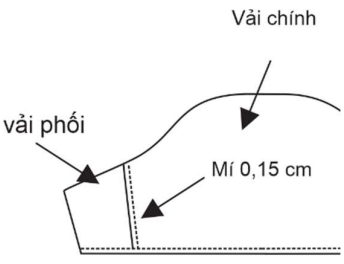
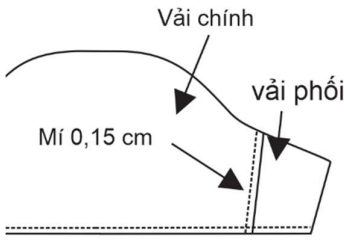
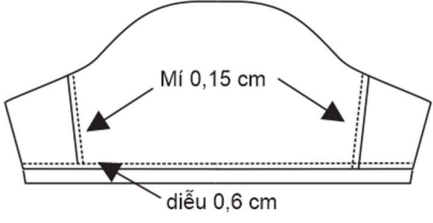
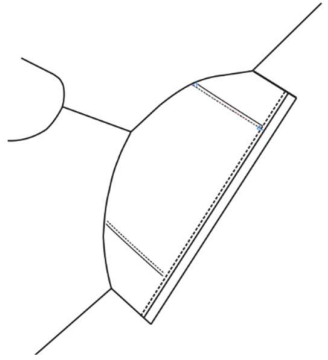
#### IV. NGUYÊN PHỤ LIỆU

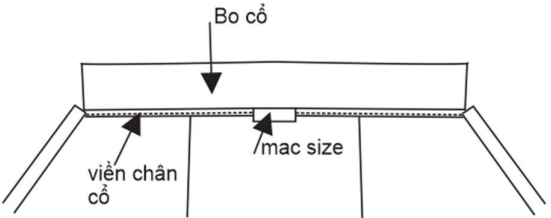

STT	PHỤ LIỆU	ĐVT
1	Vải chính	Mét
2	Vải phối	Mét
3	Chỉ chính	Mét
4	Keo mùng	Mét
5	Cúc	Cái
6	Nhãn chính + size	Bộ
7	Tag giấy	Bộ
8	Bìa lưng	Cái
9	Dây treo tag	Bộ
10	Túi PE đóng gói	Cái

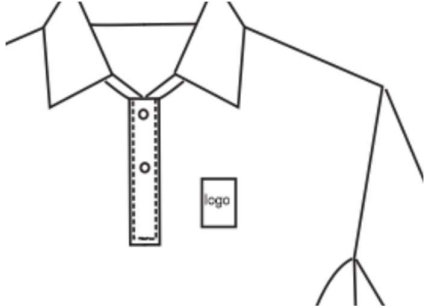
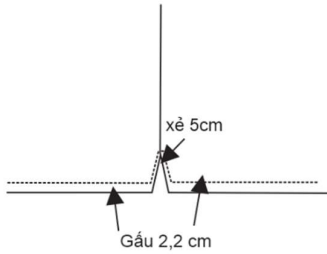

#### V. QUY CÁCH MAY

S T T	CHI TIẾT	HÌNH ẢNH MINH HỌA
A.	Thân trước + thân sau	

		<p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Logo in theo định vị</li> <li>- Trụ dán mex</li> <li>- May trụ vào thân trước theo định vị</li> </ul>	
		<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can chèn thân trước với thân trước</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân</li> </ul>	
		<p>3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can chèn thân sau với thân sau</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân</li> </ul>	
		<p><b>B. Tay</b></p>	

		<p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can chèn tay thân trước vào tay trước</li> <li>- Mí 0,15cm lên tay</li> </ul>	
		<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can chèn tay thân trước vào tay trước</li> <li>- Mí 0,15cm lên tay</li> </ul>	
		<p>3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can tay với bo tay theo thông số</li> <li>- Bản bo 2 cm</li> <li>- Điều 0,6 cm lên tay</li> </ul>	
		<p>4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can vai hân trước với thân sau đường may lật ra thân sau</li> <li>- Tra tay với thân</li> <li>- Chèn tay thân trước trùng với chèn tay trước</li> <li>- Chèn tay thân sau trùng với chèn tay sau</li> <li>- May may lật sang thân</li> <li>- Đường tra tay êm phẳng</li> </ul>	

		không cần bai	
	<b>C. Chi tiết</b>		
	<b>1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản bo cổ 6cm</li> <li>- Can bo cổ với vòng cổ</li> <li>- May lộn hai đầu nẹp</li> <li>- Viền chân cổ 1cm., mí viền 0,15 cm</li> <li>- Đặt mac size giữa cổ thân sau, lại mũi chắc chắn</li> </ul>	
	<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mí cạnh trụ 0,15 cm</li> <li>- Chân trụ chặn vuông góc</li> <li>- Mí chân trụ 0,15cm chặn trụ 0,7cm</li> <li>- Thừa khuyết đầu ngang cách chân cổ 1,4cm, khuyết thứ hai cách tâm khuyết đầu 6,5cm, dài khuyết 1,5cm</li> </ul>	

		<p><b>3</b></p> <p><b>Vị trí in logo</b>  - Cách chân cổ áo từ trên xuống 8cm  - Cách trụ 4cm</p>									
	<p><b>4</b></p> <p>- Chấp sườn: các điểm đối xứng trùng nhau 100%  - Điểm đối bo cửa tay trùng nhau, chốt chặn cửa tay 0,4cm về thân sau  - Xẻ tà 5cm hai bên không cao thấp  - Bản gấu 2,2cm, gấu êm phẳng ko vắn</p>										
<p><b>VI. QUY CÁCH THÊU</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thêu thân trước nằm bên trái khi mặc</li> <li>- Vị trí thêu theo định vị rập</li> <li>- Kích thước hình thêu thành phẩm: .....</li> <li>- Mật độ mũi chỉ 0.3mm, hướng thêu ngang</li> <li>- Độ phủ chỉ: <math>\geq 95\%</math> diện tích thêu (không để lộ mặt vải)</li> </ul> <div style="text-align: center; margin: 20px 0;">  </div> <p><b>VII. YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VẢI MAY</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr style="background-color: #4CAF50; color: white;"> <th style="width: 15%;">STT</th> <th style="width: 25%;">CHỈ TIÊU</th> <th style="width: 25%;">TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG</th> <th style="width: 35%;">YÊU CẦU (<math>\pm 2\%</math> với các chỉ số đơn vị)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>				STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU ( $\pm 2\%$ với các chỉ số đơn vị)				
STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU ( $\pm 2\%$ với các chỉ số đơn vị)								

		1	Tên vải		Cotton Ultimate
		2	Màu sắc		Màu đỏ
		3	Kiểu dệt	ISO 8388:1998	Interlock
		4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-2:2009 TCVN 5465-11:2009	67,9% Bông, 23,5% Polyester, 8,6% Spandex
		5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	241 G/m <sup>2</sup>
		6	Mật độ sợi	TCVN 5794:1994	- Hàng vòng: 528 sợi/10cm - Cột vòng: 191 sợi/10cm
		7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 5795:1994	- Hàng vòng: 235N - Cột vòng: 158N
		8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: -2% - Theo chiều ngang: -2%
		9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 4-5 - Dây màu Diacetat: Cấp 4-5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamid: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4-5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
		10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 2-3 - Theo chiều ngang: Cấp 2-3
		11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538: 2007	- Theo chiều dọc: Cấp 2 - Theo chiều ngang: Cấp 2

## VIII. YÊU CẦU KỸ THUẬT

### 1. Yêu cầu chung:

- Tất cả các đường may phải đảm bảo êm phẳng, không căng chỉ, sùỉ chỉ, bỏ mũi, nhăn, bai
- Các đường diễu không được nối chỉ, đầu và cuối đường may phải lại mũi 3 đường chỉ trùng khít.
- Các đường trần cửa tay, gấu phải nối chỉ từ 5-7 mũi, trùng khớp, không để bìa vải
- Đường tra khóa phải đều, khóa tra xong không bị vắn, sóng
- Các điểm đối xứng như cửa tay, bo cổ, phối đề cúp,... phải đối xứng, không lệch quá 1mm
- Sản phẩm may xong phải đạt yêu cầu kỹ thuật

### 2. Thông tin chỉ:

Chỉ	Chỉ số	Màu chỉ	Mật độ
Chỉ may chính	80/3	Cùng màu vải chính	5 mũi / 1cm
Chỉ may phối	80/3	Cùng màu phối	5 mũi / 1 cm
Chỉ may nhẵn	80/3	Cùng màu nhẵn	5 mũi / 1 cm

### 3. Quy cách đính cúc:

Tên phụ liệu	Chi tiết	Vị trí sử dụng
Cúc	-Vị trí đính theo mẫu giấy	Đầu nẹp và cuối nẹp

### 4. Quy cách bo cổ dệt:

- Kiểu dệt: Kiểu dệt bo vi tính
- Sợi bo dệt 150D
- Mật độ sợi dệt theo mẫu đã chôt
- Bo phẳng, êm, không bị cong phồng
- Biên thẳng, không bị lượn sóng.
- Sợi bo thừa cần được đốt, không để tua sợi trên bo thành phẩm.
- Các mắt dệt đều nhau, không bị mắt to mắt bé

## IX. TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓI

- Túi nilon:
  - + Chất liệu: PE
  - + Kích thước: 25 x 30 cm + 4cm miệng túi
  - + Độ dày: 0,14 mm
  - + Nhám mờ hai mặt, in nội dung một mặt
- Quy cách đóng gói:
  - + Cho áo vào túi nilon, lót giấy bìa, có ghim cài cố định áo. Chiều cổ áo hướng về đáy túi , cổ áo hướng lên mặt trên túi.
  - + Phần đặt treo tag mac nằm gọn gàng trên mặt trước sản phẩm
  - + Đai giấy cuộn ngoài chắc chắn, theo hướng nằm ngang của sản phẩm

2

Áo gió 2 lớp tháo rời

**I. HÌNH ẢNH SẢN PHẨM**



**II. BẢNG THÔNG SỐ THÔNG SỐ ÁO BÊN NGOÀI (ÁO NAM)**

S T T	VỊ TRÍ ĐO	S	M	L	XL	2XL	NC1	NC2	+/-
1	Dài áo đo từ giữa cổ thân sau	65	67	69	71	73	75	77	1
2	Rộng vai	43,5	44	45,5	47	48,5	50	51,5	1
3	Ngang ngực	53	55	57	59	61	63	65	1
5	Ngang gấu đo căng tại mép gấu	54	56	58	60	62	64	66	1
6	Dài tay	62	63	64	65	66	67	68	1
7	Ngang bắp tay	22,9	23,7	24,5	25,3	26,1	26,9	27,7	0,5
8	Cửa tay (chun)	12	12,5	13	13,5	14	14,5	15	0,5
9	To bản gấu tay	2,5							0,1
10	Cá tay ( D x R )	10 x 2,5							0,1
11	Cao giữa cổ	8,5							0,1

1 2	Cao cạnh cổ	8							0,1
1 3	Dài chân cổ	49 ,2	50	50, 8	52,6	54	55,8	56.6	0,5
1 4	Dài miệng túi hông	15			16			0,1	
1 5	Rộng miệng túi hông	2							0,1
1 6	Ngang túi lót hông	18							0,1
1 7	Sâu túi lót ngực	17							0,5
1 8	To bản gấu áo	2,5							0,1
1 9	Dài nẹp che	65	67	69	71	73	75	77	0,1
2 0	To bản nẹp che	6							0,1
2 1	Dài khóa	65	67	69	71	73	75	77	0,1
2 2	Dây áo	11 6	12 0	12 4	128	132	136	140	0,5
2 3	Chiều cao	15 5- 16 0	16 1- 16 5	16 6- 17 0	171- 175	176- 180	181- 185	Trên 185	
2 4	Cân nặng	45 - 55	56- 62	63- 69	70- 75	76-82	83- 90	Trên 91kg	

**THÔNG SỐ ÁO LÓT NỮ BÊN TRONG (ÁO NAM)**

ST T	VỊ TRÍ ĐO	S	M	L	XL	2XL	NC1	NC2	+/-
1	Dài áo đo từ giữa cổ thân sau	62	64	66	68	70	72	74	1
2	Rộng vai	43,5	44	45,5	47	48,5	50	51,5	1
3	Ngang ngực	48	50	52	54	56	58	60	1
5	Ngang gấu đo	49	51	53	55	57	59	61	1

	căng tại mép gấu								
6	Dài tay	61	62	63	64	65	66	67	1
7	Ngang bắp tay	22,9	23,7	24,5	25,3	26,1	26,9	27,7	0,5
8	Cửa tay (chun)	12	12,5	13	13,5	14	14,5	15	0,5
9	To bản gấu tay	2,5							0,1
11	Cao giữa cổ	8							0,1
12	Cao cạnh cổ	7,5							0,1
13	Dài chân cổ	44,2	45	45,8	47,6	49	50,8	51,6	0,5
14	Dài miệng túi hông	14,5			15,5				0,1
15	Rộng miệng túi hông	2							0,1
16	Ngang túi lót hông	18							0,1
18	To bản gấu áo	2,5							0,1
19	Dài khóa	62	64	66	68	70	72	74	0,1

### THÔNG SỐ ÁO BÊN NGOÀI (ÁO NỮ)

S T T	VỊ TRÍ ĐO	S	M	L	XL	2X L	NC 1	NC 2	+/-
1	Dài áo đo từ giữa cổ thân sau	60	62	64	66	68	70	72	1
2	Rộng vai	37,5	39	40,5	42	43,5	45	46,5	1
3	Ngang ngực	50	52	54	56	58	60	62	1
5	Ngang gấu đo căng tại mép gấu	51	53	55	57	59	61	63	1
6	Dài tay	59	60	61	62	63	64	65	1

7	Ngang bắp tay	19,9	20,7	21,5	22,3	23,1	23,9	24,7	0,5
8	Cửa tay ( chun)	10	10,5	11	11,5	12	12,5	13	0,5
9	To bản gấu tay	2,5							0,1
10	Cá tay ( D x R )	10 x 2,5							0,1
11	Cao giữa cổ	7,5							0,1
12	Cao cạnh cổ	7							0,1
13	Dài chân cổ	44,8	46,4	48,6	50,4	52,2	54	55,8	0,5
14	Dài miệng túi hông	14,5			15,5				0,1
15	Rộng miệng túi hông	2							0,1
16	Ngang túi lót hông	18							0,1
17	Sâu túi lót ngực	17							0,5
18	To bản gấu áo	2,5							0,1
19	Dài nẹp che	59,3	61,3	63,3	65,3	67,3	69,3	71,3	0,1
20	To bản nẹp che	6							0,1
21	Dài khóa	59,3	61,3	63,3	65,3	67,3	69,3	71,3	0,1
22	Dây áo	102	106	110	114	118	122	126	0,5
23	Chiều cao	145-150	151-155	156-160	161-165	166-170	171-175	Trên 175	
24	Cân nặng	38-41	43-46	47-53	54-59	69-65	66-70	Trên 70	
<b>THÔNG SỐ ÁO LÓT NỮ BÊN TRONG (ÁO NỮ)</b>									
<b>S</b>	<b>VỊ TRÍ ĐO</b>	<b>S</b>	<b>M</b>	<b>L</b>	<b>XL</b>	<b>2XL</b>	<b>NC1</b>	<b>NC2</b>	<b>+/-</b>

1	Dài áo đo từ giữa cổ thân sau	57	59	61	63	65	67	69	1
2	Rộng vai	37,5	39	40,5	42	43,5	45	46,5	1
3	Ngang ngực	45	47	49	51	53	55	57	1
5	Ngang gấu đo căng tại mép gấu	45	47	49	51	53	55	57	1
6	Dài tay	58	59	60	61	62	63	64	1
7	Ngang bắp tay	22,9	23,7	24,5	25,3	26,1	26,9	27,7	0,5
8	Cửa tay (chun)	10	10,5	11	11,5	12	12,5	13	0,5
9	To bản gấu tay	2,5							0,1
1 1	Cao giữa cổ	7,5							0,1
1 2	Cao cạnh cổ	7							0,1
1 3	Dài chân cổ	48,4	50,1	51,7	53,4	54,2	54,9	55,6	50,7
1 4	Dài miệng túi hông	15			16				0,1
1 5	Rộng miệng túi hông	2							0,1
1 6	Ngang túi lót hông	18							0,1
1 8	To bản gấu áo	2,5							0,1
1 9	Dài khóa	56,3	58,3	60,3	62,3	64,3	66,3	68,3	0,1
<b>III. BẢNG KÊ CHI TIẾT RÁP</b>									
STT	CHI TIẾT	V/Chính	V/Phối	V/Lót	Vải/Ni				
1	Cầu vai thân trước trái		1						
2	Cầu vai thân trước phải		1						

		3	Cầu ngực phải				
		4	Thân trước trên trái	1			
		5	Thân trước trên phải	1			
		6	Phổi thân trước trên phải( che túi ngực)	2			
		7	Thân trước dưới ngực trái	1			
		8	Thân trước dưới ngực phải	1			
		9	Chèn thân trước		2		
		10	Phổi sườn thân trước(che túi hông )	2			
		11	Thân sau giữa	1			
		12	Chèn thân sau		2		
		13	Gấu thân sau	1			
		14	Tay giữa		2		
		15	Chèn tay thân sau	2			
		16	Chèn tay thân trước	2			
		17	Gấu tay	2			
		18	Lá cổ chính	1			
		19	Lá cổ lót	1			
		20	Trang trí đầu cổ	2			
		21	Ngực	2			
		22	Ngực khóa trái	1			
		23	Má mũ	2			
		24	Đỉnh mũ	1			
		25	Cửa mũ	1			
		26	Má mũ lót			2	
		27	Đỉnh mũ lót			1	

28	Đáp túi hông	2			
29	Đáp túi ngực	1			
30	Đáp cổ thân sau	1			
31	Cá tay	2			
32	Che khóa mũ	1			
33	Lót thân trước			2	
34	Lót thân sau			1	
35	Lót tay			2	
36	Lót túi sườn nhỏ			2	
37	Lót túi sườn to			2	
38	Lót túi ngực to			1	
39	Lót túi ngực nhỏ			1	
40	Thân trước áo nỉ				2
41	Thân sau áo nỉ				1
42	Tay áo nỉ				2
43	Cổ áo nỉ				2
44	Lót túi nhỏ áo nỉ				2
45	Lót túi to áo nỉ				2


#### IV. NGUYÊN PHỤ LIỆU

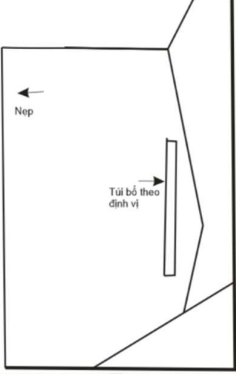
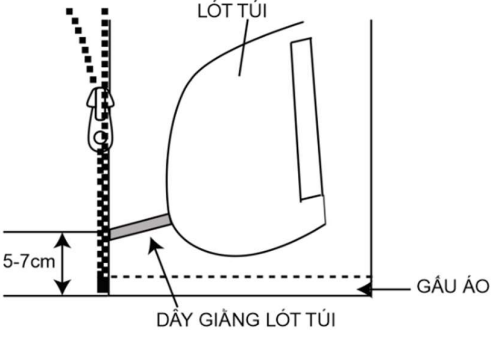
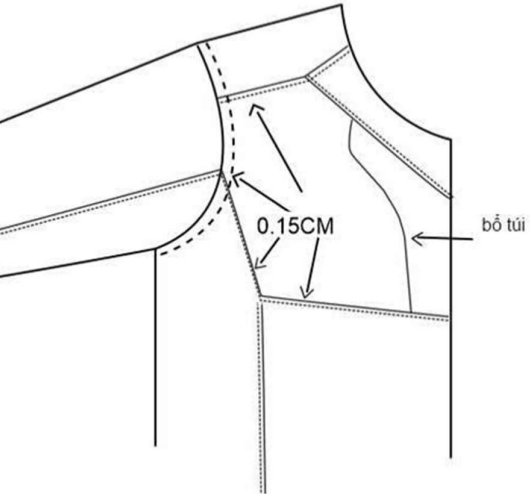
STT	PHỤ LIỆU	ĐM / SIZE L	ĐVT
1	Vải chính		Mét
2	Vải phối		Mét
3	Nhám dính		Mét
4	Vải nỉ		Mét
5	Vải lót		Mét
6	Khóa nẹp	1	Cái

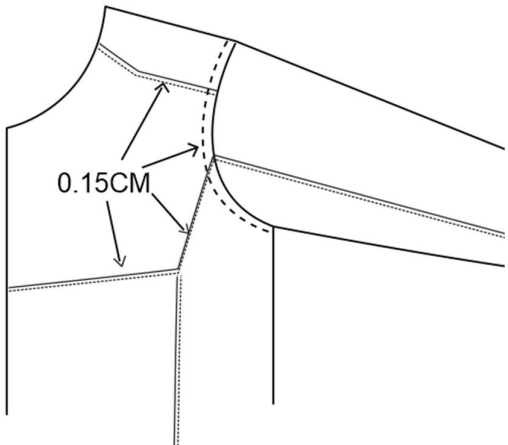
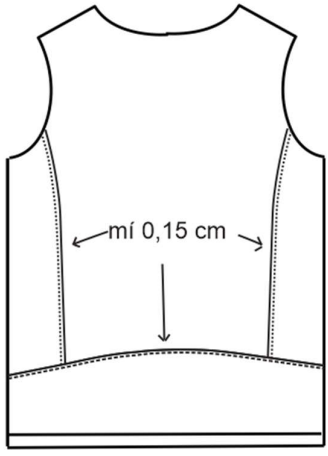
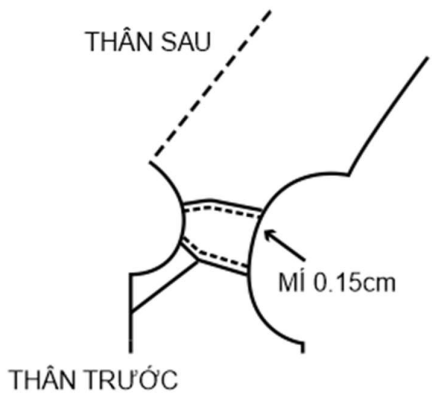
7	Khóa ngực	1	Cái
8	Khóa túi	2	Cái
9	Chun 2,5 cm		Mét
10	Nhãn chính +size	1	Cái
11	Tag giấy	2	Cái
12	Dây treo tag giấy	1	Cái
13	Đai giấy	1	Cái
14	Túi đóng hàng	1	Cái

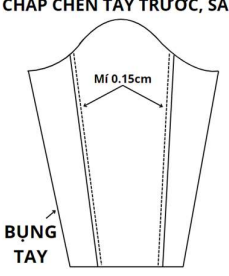
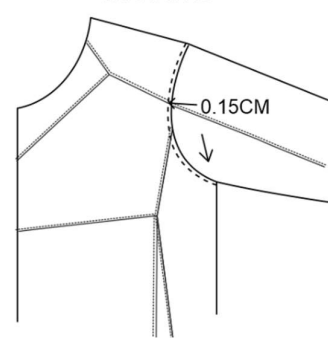
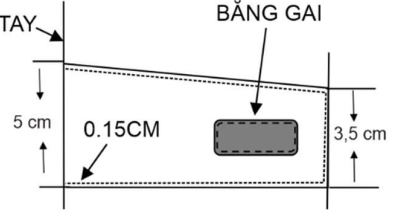
## V. QUY CÁCH MAY.

### 1. Thân chính

S T T	CHI TIẾT	HÌNH ẢNH MINH HỌA
A.	<b>Thân trước + thân sau</b>	
1	- Phôi sườn hai bên in phản quang theo định vị	 <p>In phản quang theo định vị Vào phôi sườn thân trước hai bên</p>

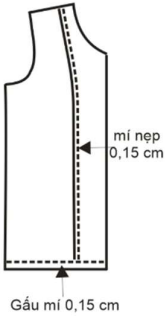

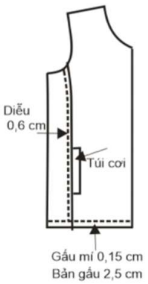
		<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân trước dưới bỏ túi theo định vị</li> </ul>	
		<p>3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lót túi vắt sổ 3 chỉ.</li> <li>- Đặt dây giăng lót túi ra nẹp cách gấu 5-7 cm.</li> <li>- Hai đầu điểm giăng lại mũi chắc chắn.</li> </ul>	
		<p>4</p> <p>Thân trước phải :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ túi theo định vị</li> <li>- Đắp che khóa quay lộn cạnh tròn theo mẫu là kẹp chỉ .</li> <li>- Chắp cầu vai thân trước với thân trước trên</li> <li>- Mí 0,15 cm lên cầu vai thân trước</li> <li>- Chắp thân trước trên với thân trước dưới.</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân trước nẹp</li> <li>- Can chèn thân trước với thân trước, mí 0,15cm chèn thân trước.</li> </ul>	


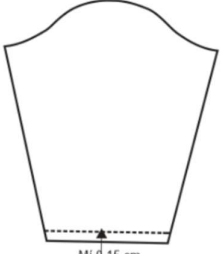
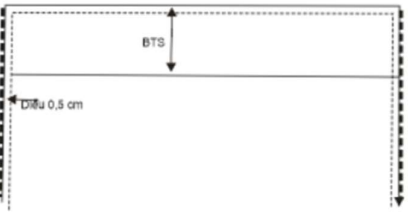
		<p>Thân trước trái :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp cầu vai thân trước với thân trước trên</li> <li>- Mí 0,15 cm lên cầu vai thân trước</li> <li>- Chắp thân trước trên với thân trước dưới.</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân trước nẹp</li> <li>- Can chèn thân trước với thân trước, mí 0,15cm chèn thân trước.</li> </ul>	
		<p>6</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp thân sau giữa với chèn thân sau, mí 0,15cm lên chèn thân sau .</li> <li>- Can gấu thân sau với thân sau trên, mí 0,15cm lên gấu</li> </ul>	
		<p>7</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can cầu vai với vai thân trước với vai thân trước mí 0,15 cm lên cầu vai .</li> <li>- Can cầu vai thân sau với vai thân sau mí 0,15 cm lên cầu vai .</li> </ul>	<p>Can cầu vai với vai thân trước và vai thân sau , mí lên cầu vai 0,15 cm</p> 

		<p><b>B. Tay</b></p> <p><b>1</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp chèn tay trước với tay giữa, mí 0,15cm lên tay giữa.</li> <li>- Chắp chèn tay sau với tay giữa, mí 0,15cm lên tay giữa.</li> <li>- Can cửa tay với phần tay giữa trên đã can chèn mí 0,15cm lên cửa tay.</li> <li>- Dán nhám bông theo định vị (may 4 cạnh).</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>CHẮP CHÈN TAY TRƯỚC, SAU</b></p> 
		<p><b>2</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra tay thẳng không được cầm nhãn biến dạng</li> <li>- Đường can cầu vai thân trước trùng với đường can chèn tay thân trước.</li> <li>- Đường can cầu vai thân sau trùng với đường can chèn tay thân sau.</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>TRA TAY ÁO</b></p> 
		<p><b>3</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá tay may lộn 3 cạnh, mí 3 cạnh.</li> <li>- Cá tay D x R : 9 x 3,5</li> <li>- Dán nhám gai</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>BỤNG TAY</b>      <b>BĂNG GAI</b></p> 

		<p>4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa tay may chun nửa vòng, chun theo thông số, cá tay đặt tại bụng tay</li> </ul>	
<p><b>C. Khoá nẹp</b></p>			
	<p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can cổ chính vào thân chính</li> <li>- Đặt khoá mũ và che khoá mũ theo định vị</li> <li>- Can cổ lót vào thân lót.</li> <li>- Can nẹp vào che vào thân trước bên trái mí 0,15cm lên thân.</li> <li>- Can nẹp khoá vào thân trước bên trái.</li> </ul>		<p>NẸP CHE THÂN TRƯỚC</p>
	<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra khoá vào nẹp thân trước, may lộn khoá với lót</li> <li>- Cổ quay lộn, mí xung quanh 0,15cm</li> <li>- Rộng giữa cổ 8,5cm</li> <li>- Dài cạnh cổ 8cm.</li> </ul>		<p>Đầu chốt bấm quay lên theo định vị (tham khảo áo mẫu).</p> <p>Đầu chốt bấm quay lên theo định vị (tham khảo áo mẫu).</p> <p>Đáp khoá quay lộn 2 đầu, may cùng đường tra cổ. Vị trí may đáp khoá theo định vị trên mẫu, điểm đầu và cuối khách đầu đáp khoá 1cm. Chốt khoá cách điểm tra khoá 0.3cm. TP dài đáp xen BTS</p>
<p><b>D. Mũ</b></p>			
			<p>MŨ</p> <p>Mặt ngoài</p> <p>Mặt trong</p> <p>Chấp 1 kim</p> <p>Mí 0.15cm</p> <p>Đầu dây chung bọc bằng vải may 1 đường lên đầu dây bên chác, chặn miếng vải bọc cũng đường may chặn mũ</p> <p>Đáp oze theo định vị luôn dây qua lỗ oze, dây luôn cài vào chốt. Đầu chốt bấm quay lên theo định vị (tham khảo áo mẫu).</p> <p>Mũ lót: chấp 1 kim, đường may lật về đỉnh mũ 0.15cm</p> <p>Tra khoá vào chân mũ, khoá tra theo bấm, củ khoá nằm về phía mũ. Củ khoá khi đóng nằm về thân bên phải khi mặc.</p>

## 2. Thân lót

S T T	CHI TIẾT	HÌNH ẢNH MINH HỌA
<b>A.</b>	<b>Thân trước + thân sau</b>	
1	<p>Lót thân trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can nẹp với lót thân trước</li> <li>- Mí lên nẹp 0,15cm</li> </ul>	
2	<p>Lót thân sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- May móc vào đáy theo định vị</li> <li>- May đáy vào lót thân sau, mí 0,15cm lên đáy.</li> <li>- Đặt dây treo theo định vị</li> <li>- Dây treo ( D x R ) 5,5 x 0,8cm .</li> </ul>	
<b>B.</b>	<b>Lớp áo nỉ</b>	
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- May túi theo định vị , điều miệng túi 2cm</li> <li>- Can chèn sườn thân trước với thân trước, điều 0,5cm lên chèn thân trước</li> </ul>	

		<p>Thân sau ni:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can vai thân trước và thân sau</li> <li>- Điều vai 0,6 cm lên thân sau</li> </ul>	 <p>Gấu mí 0,15 cm Bản gấu 2,5 cm</p>
		<p>Tay ni:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra tay êm phẳng.</li> <li>- Cửa tay may chun theo thông số</li> <li>- Gấu tay 2,5cm</li> </ul>	 <p>Mí 0,15 cm gấu tay 2,5 cm</p>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- May lộn cổ</li> <li>- Can cổ vào thân chính</li> <li>- Tra khóa theo thông số vào nẹp thân trước</li> <li>- Chân cổ may lộn khe</li> <li>- Điều xung quang nẹp và cạnh cổ và thành trên cổ.</li> </ul>	 <p>BTS Điều 0,5 cm</p>
<p><b>VI. QUY CÁCH IN, THÊU.</b></p> <p><b>1. Quy cách in.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình in phản quang ở mép 2 miệng túi 2 bên sườn</li> <li>- Vị trí in theo định vị rập</li> <li>- Kích thước hình in phản quang thành phẩm 18.5cm.</li> </ul> <p><b>2. Quy cách thêu thân trước.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thêu thân trước nằm bên trái khi mặc</li> <li>- Vị trí thêu theo định vị rập</li> <li>- Mật độ mũi chỉ 0.3mm, hướng thêu ngang</li> <li>- Chiều dài mũi: 2.5 - 4.0mm</li> <li>- Độ phủ chỉ: <math>\geq 95\%</math> diện tích thêu (không để lộ mặt vải)</li> </ul>			

LOGO

**VII. YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VẢI MAY**

**1. Vải chính**

STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU ( $\pm 2\%$ với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải gió Nanomate
2	Màu sắc		Màu đỏ
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	- Lớp vải nền: 100% Polyestes - Lớp tráng phủ: Polyuretan
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	147 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 332 sợi/10cm - Sợi ngang: 282 sợi/10cm
7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 965N - Theo chiều ngang: 789N
8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: -0,5% - Theo chiều ngang: 0%
9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 4-5 - Dây màu Diacetat: Cấp 4-5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamit: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4-5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5

			- Theo chiều ngang: Cấp 4-5
12	Tính kháng thấm nước bề mặt – Phép thử phun tia (Spray test)	ISO 4920:2012	ISO 3
<b>2. Vải phối</b>			
STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU ( $\pm 2\%$ với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải gió Nanomate
2	Màu sắc		Màu đen
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	- Lớp vải nền: 100% Polyestes - Lớp tráng phủ: Polyuretan
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	147 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 324 sợi/10cm - Sợi ngang: 282 Sợi/10cm
7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 918N - Theo chiều ngang: 744N
8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: 0% - Theo chiều ngang: -0,5%
9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 4-5 - Dây màu Diacetat: Cấp 4-5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamit: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4-5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4 - Theo chiều ngang: Cấp 4
11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5

			- Theo chiều ngang: Cấp 4-5
12	Tính kháng thấm nước bề mặt – Phép thử phun tia (Spray test)	ISO 4920:2012	ISO 3
<b>3. Vải lót lụa</b>			
STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU
1	Tên vải		Vải lót lụa
2	Màu sắc		Màu đen
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	100% Polyestes
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	56,35 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 441 sợi/10cm - Sợi ngang: 344 sợi/10cm
7	Độ bền kéo đứt băng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 509N - Theo chiều ngang: 436N
<b>4. Vải lót nỉ</b>			
STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU (±2% với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải nỉ
2	Màu sắc		Màu đỏ
3	Kiểu dệt	TCVN8388:1998	Dệt kim cao lông 2 mặt
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	- Lốp vải nền: 100% Polyestes
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	231 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi		Không yêu cầu
7	Độ bền kéo đứt băng vải	TCVN 5795:1994	- Cột vòng: 481N - Hàng vòng: 256N

8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: -0,5% - Theo chiều ngang: 0%
9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 4-5 - Dây màu Diaxetat: Cấp 4-5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamit: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4-5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5

## VIII. YÊU CẦU KỸ THUẬT

### 1. Yêu cầu chung:

- Các chi tiết may phải đảm bảo đúng quy cách, đúng thông số kỹ thuật, các đường may êm phẳng, không căng chỉ sùi chỉ bỏ mũi, nhẵn bai.
- Các đường mí không được nổi chỉ
- Đường tra khóa đều không bị vặn sóng
- Các đường đối xứng không lệch quá 1 mm
- Sản phẩm may xong phải vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng không nhăn nhúm

### 2. Thông tin chỉ:

Chỉ	Chỉ số	Màu chỉ	Mật độ
Chỉ may chính	80/3	Cùng màu vải chính	5 mũi / 1cm
Chỉ may phối	80/3	Cùng màu phối	5 mũi / 1 cm
Chỉ may nhãn	80/3	Cùng màu nhãn	5 mũi / 1 cm

### 3. Quy cách đính cúc:

Tên phụ liệu	Chi tiết	Vị trí sử dụng
Cúc bấm	-Vị trí đính theo mẫu giấy	Đầu nẹp và cuối nẹp

## IX. TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓI

- Túi nilon có khóa zip:
- + Chất liệu: PE
- + Kích thước: 45 x 65 cm
- + Độ dày: 0,14 mm
- + Nhám mờ hai mặt, in nội dung một mặt
  - Quy cách đóng gói:
- + Cho áo vào túi nilon, chiều cổ áo hướng về đáy túi, cổ áo hướng lên mặt trên túi
- + Phần đặt treo tag mac nằm gọn gàng trên mặt trước sản phẩm
- + Đai giấy cuộn ngoài chắc chắn, theo hướng nằm ngang của sản phẩm

3

Áo gió 2 lớp

**I. HÌNH ẢNH SẢN PHẨM****II. BẢNG THÔNG SỐ.****ÁO NAM :**

S T T	VỊ TRÍ ĐO	S	M	L	XL	2XL	NC 1	NC2	+/-
1	Dài áo đo từ giữa cổ thân sau	65	67	69	71	73	75	77	1
2	Rộng vai	43,5	44	45,5	47	48,5	50	51,5	1
3	Ngang ngực	53	55	57	59	61	63	65	1
5	Ngang gấu đo căng tại mép gấu	54	56	58	60	62	64	66	1
6	Dài tay	62	63	64	65	66	67	68	1
7	Ngang bắp tay	22,9	23,7	24,5	25,3	26,1	26,9	27,7	0,5
8	Cửa tay (chun)	12	12,5	13	13,5	14	14,5	15	0,5
9	To bản gấu tay	2,5							0,1
10	Cá tay ( D x R )	10 x 2,5							0,1
11	Cao giữa cổ	8,5							0,1
12	Cao cạnh cổ	8							0,1

1 3	Dài chân cổ	49, 2	50	50, 8	52,6	54	55, 8	56.6	0,5
1 4	Dài miệng túi hông	15			16			0,1	
1 5	Rộng miệng túi hông	2						0,1	
1 6	Ngang túi lót hông	18						0,1	
1 7	Sâu túi lót ngực	17						0,5	
1 8	To bản gấu áo	2,5						0,1	
1 9	Dài nẹp che	65	67	69	71	73	75	77	0,1
2 0	To bản nẹp che	6						0,1	
2 1	Dài khóa	65	67	69	71	73	75	77	0,1
2 2	Dây áo	11 6	120	12 4	128	132	13 6	140	0,5
2 3	Chiều cao	15 5- 16 0	161- 165	16 6- 17 0	171- 175	176- 180	18 1- 18 5	Trên 185	
2 4	Cân nặng	45- 55	56- 62	63- 69	70- 75	76- 82	83- 90	Trên 91kg	

**ÁO NỮ :**

ST T	VỊ TRÍ ĐO	S	M	L	XL	2X L	NC 1	NC2	+/-
1	Dài áo đo từ giữa cổ thân sau	60	62	64	66	68	70	72	1
2	Rộng vai	37, 5	39	40, 5	42	43, 5	45	46,5	1
3	Ngang ngực	50	52	54	56	58	60	62	1
5	Ngang gấu đo căng tại mép gấu	51	53	55	57	59	61	63	1
6	Dài tay	59	60	61	62	63	64	65	1

7	Ngang bắp tay	19,9	20,7	21,5	22,3	23,1	23,9	24,7	0,5
8	Cửa tay (chun)	10	10,5	11	11,5	12	12,5	13	0,5
9	To bản gấu tay	2,5							0,1
10	Cá tay (D x R)	10 x 2,5							0,1
11	Cao giữa cổ	7,5							0,1
12	Cao cạnh cổ	7							0,1
13	Dài chân cổ	44,8	46,4	48,6	50,4	52,2	54	55,8	0,5
14	Dài miệng túi hông	14,5			15,5			0,1	
15	Rộng miệng túi hông	2							0,1
16	Ngang túi lót hông	18							0,1
17	Sâu túi lót ngực	17							0,5
18	To bản gấu áo	2,5							0,1
19	Dài nẹp che	59,3	61,3	63,3	65,3	67,3	69,3	71,3	0,1
20	To bản nẹp che	6							0,1
21	Dài khóa	59,3	61,3	63,3	65,3	67,3	69,3	71,3	0,1
22	Dây áo	102	106	110	114	118	122	126	0,5
23	Chiều cao	145-150	151-155	156-160	161-165	166-170	171-175	Trên 175	
24	Cân nặng	38-41	43-46	47-53	54-59	69-65	66-70	Trên 70	

### III. BẢNG KÊ CHI TIẾT RÁP.

STT	CHI TIẾT	V/Chính	V/Phối	V/Lót
1	Cầu vai thân trước trái		1	

		2	Cầu vai thân trước phải		1	
		3	Cầu ngực phải			
		4	Thân trước trên trái	1		
		5	Thân trước trên phải	1		
		6	Phổi thân trước trên phải( che túi ngực)	2		
		7	Thân trước dưới ngực trái	1		
		8	Thân trước dưới ngực phải	1		
		9	Chèn thân trước		2	
		10	Phổi sườn thân trước(che túi hông)	2		
		11	Thân sau giữa	1		
		12	Chèn thân sau		2	
		13	Gấu thân sau	1		
		14	Tay giữa		2	
		15	Chèn tay thân sau	2		
		16	Chèn tay thân trước	2		
		17	Gấu tay	2		
		18	Lá cổ chính	1		
		19	Lá cổ lót	1		
		20	Trang trí đầu cổ	2		
		21	Nẹp	2		
		22	Nẹp khóa trái	1		
		23	Má mũ	2		
		24	Đỉnh mũ	1		
		25	Cửa mũ	1		
		26	Má mũ lót			2

27	Đỉnh mũ lót			1
28	Đáp túi hông	2		
29	Đáp túi ngực	1		
30	Đáp cổ thân sau	1		
31	Cá tay	2		
32	Che khóa mũ	1		
33	Lót thân trước			2
34	Lót thân sau			1
35	Lót tay			2
36	Lót túi sườn nhỏ			2
37	Lót túi sườn to			2
38	Lót túi ngực to			1
39	Lót túi ngực nhỏ			1

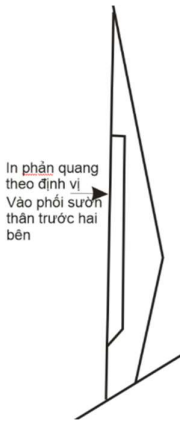
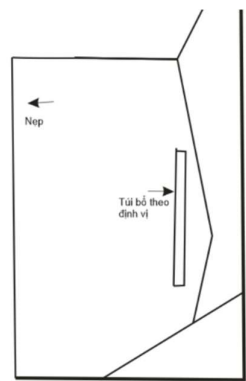
#### IV. NGUYÊN PHỤ LIỆU

STT	PHỤ LIỆU	ĐM / SIZE L	ĐVT
1	Vải chính		Mét
2	Vải phối		Mét
3	Nhám dính		Mét
4	Vải lót		Mét
5	Khóa nẹp	1	Cái
6	Khóa ngực	1	Cái
7	Khóa túi	2	Cái
8	Chun 2,5 cm		Mét
9	Nhãn chính +size	1	Cái
10	Tag giấy	2	Cái

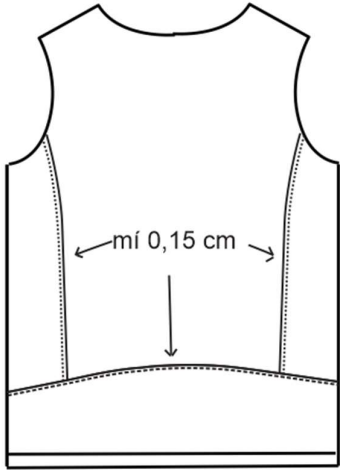
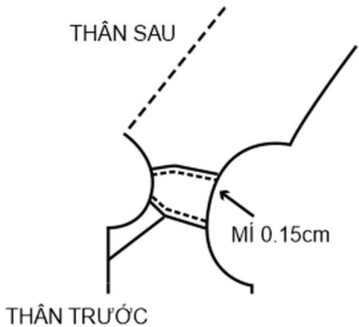
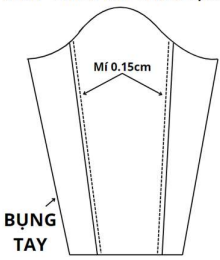
11	Dây treo tag giấy	1	Cái
12	Đai giấy	1	Cái
14	Túi đóng hàng	1	Cái

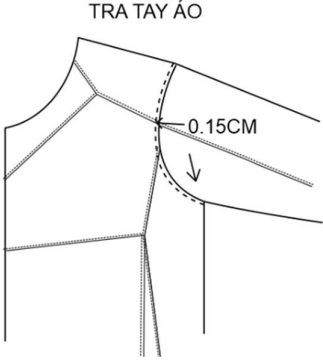
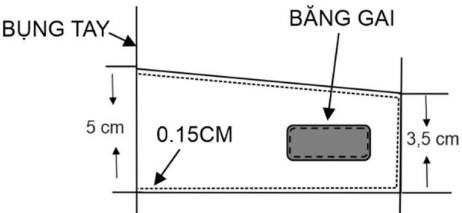
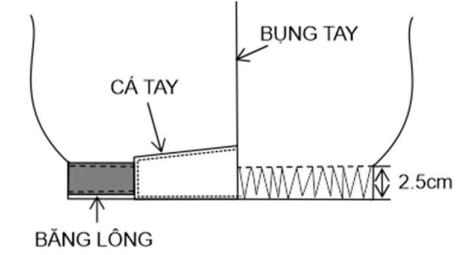
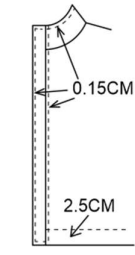
## V. QUY CÁCH MAY.

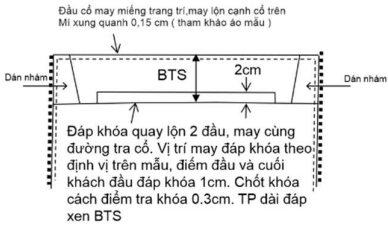
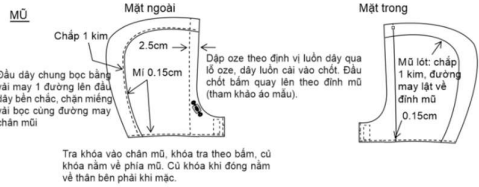
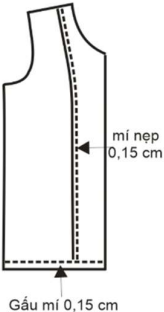
### 1. Thân chính:

ST T	CHI TIẾT	HÌNH ẢNH MINH HỌA
<b>A. Thân trước + thân sau</b>		
1	- Phối sườn hai bên in phân quang theo định vị	
2	- Thân trước dưới bỏ túi theo định vị	

		<p>3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lót túi vắt sổ 3 chỉ.</li> <li>- Đặt dây giằng lót túi ra nẹp cách gấu 5-7 cm.</li> <li>- Hai đầu điểm giằng lại mũi chắc chắn.</li> </ul>	
		<p>4</p> <p>Thân trước phải :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ túi theo định vị</li> <li>- Đắp che khóa quay lộn cạnh tròn theo mẫu là kẹp chỉ .</li> <li>- Chắp cầu vai thân trước với thân trước trên</li> <li>- Mí 0,15 cm lên cầu vai thân trước</li> <li>- Chắp thân trước trên với thân trước dưới.</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân trước nẹp</li> <li>- Can chèn thân trước với thân trước, mí 0,15cm chèn thân trước.</li> </ul>	
		<p>5</p> <p>Thân trước trái :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp cầu vai thân trước với thân trước trên</li> <li>- Mí 0,15 cm lên cầu vai thân trước</li> <li>- Chắp thân trước trên với thân trước dưới.</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân trước nẹp</li> <li>- Can chèn thân trước với thân trước, mí 0,15cm chèn thân trước.</li> </ul>	

		<p>6</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp thân sau giữa với chèn thân sau, mí 0,15cm lên chèn thân sau .</li> <li>- Can gấu thân sau với thân sau trên, mí 0,15cm lên gấu</li> </ul>	
		<p>7</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can cầu vai thân trước với vai thân trước mí 0,15 cm lên cầu vai .</li> <li>- Can cầu vai thân sau với vai thân sau mí 0,15 cm lên cầu vai.</li> </ul>	<p>Can cầu vai với vai thân trước và vai thân sau , mí lên cầu vai 0,15 cm</p> 
		<p><b>B. Tay</b></p>	
		<p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp chèn tay trước với tay giữa, mí 0,15cm lên tay giữa.</li> <li>- Chắp chèn tay sau với tay giữa, mí 0,15cm lên tay giữa.</li> <li>- Can cửa tay với phần tay giữa trên đã can chèn mí 0,15cm lên cửa tay.</li> <li>- Dán nhám bông theo định vị ( may 4 cạnh ).</li> </ul>	<p>CHẮP CHÈN TAY TRƯỚC, SAU</p> 

		<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra tay thẳng không được cầm nhãn biến dạng</li> <li>- Đường can cầu vai thân trước trùng với đường can chèn tay thân trước.</li> <li>- Đường can cầu vai thân sau trùng với đường can chèn tay thân sau .</li> <li>- Mí 0,15cm lên thân.</li> </ul>	<p>TRA TAY ÁO</p> 
		<p>3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá tay may lộn 3 cạnh , mí 3 cạnh .</li> <li>- Cá tay D x R : 9 x 3,5</li> <li>- Dán nham gai</li> </ul>	<p>BỤNG TAY</p> <p>BĂNG GAI</p> 
		<p>4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cửa tay may chun nửa vòng , chun theo thông số , cá tay đặt tại bụng tay</li> </ul>	<p>BỤNG TAY</p> <p>CÁ TAY</p> <p>BĂNG LÔNG</p> 
		<p>C. Khoá nẹp</p>	
		<p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Can cổ chính vào thân chính</li> <li>- Đặt khóa mũ và che khóa mũ theo định vị</li> <li>- Can cổ lót vào thân lót.</li> <li>- Can nẹp vào che vào thân trước bên trái mí 0,15cm lên thân.</li> <li>- Can nẹp khóa vào thân trước bên trái.</li> </ul>	<p>NẸP CHE THÂN TRƯỚC</p> 

		<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra khóa vào nẹp thân trước, may lộn khóa với lót</li> <li>- Cổ quay lộn, mí xung quanh 0,15cm</li> <li>- Rộng giữa cổ 8,5 cm</li> <li>- Dài cạnh cổ 8 cm.</li> </ul>	
	<p>D.</p>	<p>Mũ</p>	
			
<p>2. Thân lót:</p>			
<p><b>STT      CHI TIẾT      HÌNH ẢNH MINH HỌA</b></p>			
<p>A.</p>	<p>Thân trước + thân sau</p>		
<p>1</p>	<p>Lót thân trước: - Can nẹp với lót thân trước - Mí lên nẹp 0,15 cm</p>		

2

- Lót thân sau:
- May móc vào đáp theo định vị
  - May đáp vào lót thân sau, mí 0,15cm lên đáp.
  - Đặt dây treo
  - Dây treo ( D x R ) 5,5 x 0,8 cm .



## VI. QUY CÁCH IN, THÊU.

### 1. Quy cách in.

- Hình in phản quang ở mép 2 miệng túi 2 bên sườn
- Vị trí in theo định vị rập
- Kích thước hình in phản quang thành phẩm 18.5cm.

### 2. Quy cách thêu thân trước.

- Hình thêu thân trước nằm bên trái khi mặc
- Vị trí thêu theo định vị rập
- Mật độ mũi chỉ 0.3mm, hướng thêu ngang
- Chiều dài mũi: 2.5 - 4.0mm
- Độ phủ chỉ:  $\geq 95\%$  diện tích thêu (không để lộ mặt vải)

LOGO

## VII. YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VẢI MAY

### 1. Vải chính

STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU ( $\pm 2\%$ với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải gió Nanomate
2	Màu sắc		Màu đỏ

3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	- Lớp vải nền: 100% Polyestes - Lớp tráng phủ: Polyuretan
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	147 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 332 sợi/10cm - Sợi ngang: 282 sợi/10cm
7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 965N - Theo chiều ngang: 789N
8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: -0,5% - Theo chiều ngang: 0%
9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 4-5 - Dây màu Diacetat: Cấp 4-5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamid: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4-5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
12	Tính kháng thấm nước bề mặt – Phép thử phun tia (Spray test)	ISO 4920:2012	ISO 3

### 1. Vải phối

STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU (±2% với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải gió Nanomate
2	Màu sắc		Màu đen
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	- Lớp vải nền: 100% Polyestes - Lớp tráng phủ: Polyuretan

5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	147 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 324 sợi/10cm - Sợi ngang: 282 Sợi/10cm
7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 918N - Theo chiều ngang: 744N
8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: 0% - Theo chiều ngang: -0,5%
9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 4-5 - Dây màu Diacetat: Cấp 4-5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamid: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4-5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4 - Theo chiều ngang: Cấp 4
11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
12	Tính kháng thấm nước bề mặt – Phép thử phun tia (Spray test)	ISO 4920:2012	ISO 3

## 2. Vải lót lụa

STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU (±2% với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải lót lụa
2	Màu sắc		Màu đen
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	100% Polyestes
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	56,35 G/m <sup>2</sup>

		6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 441 sợi/10cm - Sợi ngang: 344 sợi/10cm																						
		7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 509N - Theo chiều ngang: 436N																						
		<p><b>VIII. YÊU CẦU KỸ THUẬT</b></p> <p><b>1. Yêu cầu chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi tiết may phải đảm bảo đúng quy cách, đúng thông số kỹ thuật, các đường may êm phẳng, không căng chỉ sùi chỉ bỏ mũi, nhẵn bai.</li> <li>- Các đường mí không được nổi chỉ</li> <li>- Đường tra khóa đều không bị vặn sóng</li> <li>- Các đường đối xứng không lệch quá 1 mm</li> <li>- Sản phẩm may xong phải vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng không nhăn nhúm</li> </ul> <p><b>2. Thông tin chỉ:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ</th> <th>Chỉ số</th> <th>Màu chỉ</th> <th>Mật độ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chỉ may chính</td> <td>80/3</td> <td>Cùng màu vải chính</td> <td>5 mũi / 1cm</td> </tr> <tr> <td>Chỉ may phối</td> <td>80/3</td> <td>Cùng màu phối</td> <td>5 mũi / 1 cm</td> </tr> <tr> <td>Chỉ may nhãn</td> <td>80/3</td> <td>Cùng màu nhãn</td> <td>5 mũi / 1 cm</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>3. Quy cách đính cúc:</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên phụ liệu</th> <th>Chi tiết</th> <th>Vị trí sử dụng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cúc bấm</td> <td>-Vị trí đính theo mẫu giấy</td> <td>Đầu nẹp và cuối nẹp</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>IX. TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi nilon có khóa zip:</li> <li>+ Chất liệu: PE</li> <li>+ Kích thước: 45 x 65 cm</li> <li>+ Độ dày: 0,14 mm</li> <li>+ Nhám mờ hai mặt, in nội dung một mặt <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách đóng gói:</li> </ul> </li> <li>+ Cho áo vào túi nilon, chiều cổ áo hướng về đáy túi, cổ áo hướng lên mặt trên túi</li> <li>+ Phần đặt treo tag mac nằm gọn gàng trên mặt trước sản phẩm</li> <li>+ Đai giấy cuộn ngoài chắc chắn, theo hướng nằm ngang của sản phẩm</li> </ul>				Chỉ	Chỉ số	Màu chỉ	Mật độ	Chỉ may chính	80/3	Cùng màu vải chính	5 mũi / 1cm	Chỉ may phối	80/3	Cùng màu phối	5 mũi / 1 cm	Chỉ may nhãn	80/3	Cùng màu nhãn	5 mũi / 1 cm	Tên phụ liệu	Chi tiết	Vị trí sử dụng	Cúc bấm	-Vị trí đính theo mẫu giấy	Đầu nẹp và cuối nẹp
Chỉ	Chỉ số	Màu chỉ	Mật độ																								
Chỉ may chính	80/3	Cùng màu vải chính	5 mũi / 1cm																								
Chỉ may phối	80/3	Cùng màu phối	5 mũi / 1 cm																								
Chỉ may nhãn	80/3	Cùng màu nhãn	5 mũi / 1 cm																								
Tên phụ liệu	Chi tiết	Vị trí sử dụng																									
Cúc bấm	-Vị trí đính theo mẫu giấy	Đầu nẹp và cuối nẹp																									
4	Mũ lưới trai	<p><b>I. HÌNH ẢNH SẢN PHẨM</b></p>																									



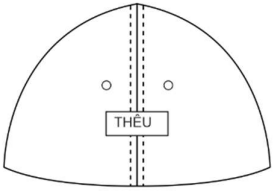
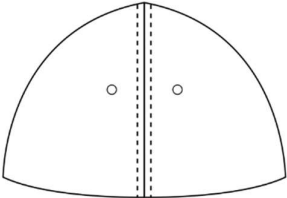
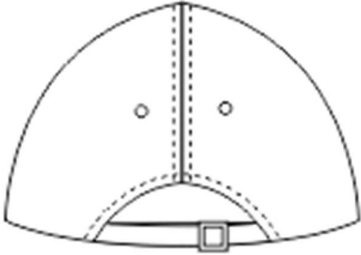
## II. BẢNG THÔNG SỐ

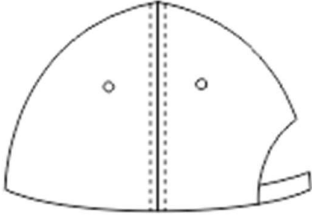

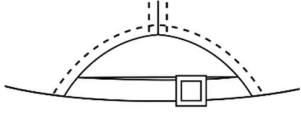
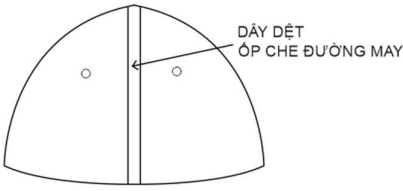
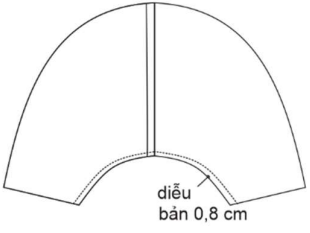
STT	VỊ TRÍ ĐO	CM	Dung size +/-
1	Cao mũ	17	1
2	Dài lưỡi mũ	7,5	1
3	Vòng mũ(trừ khoảng hở)	49.5	1

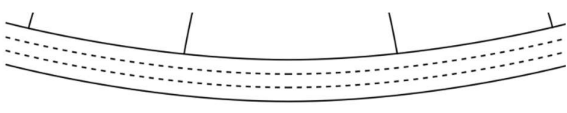
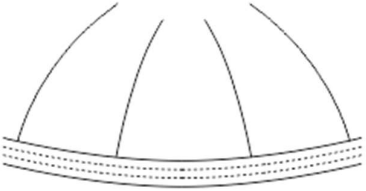

## III. NGUYÊN PHỤ LIỆU

STT	PHỤ LIỆU	ĐVT
1	Vải chính	Mét
2	Vải lót	Mét
3	Vải gòng	Mét
4	Chỉ chính	Mét
5	Xương lưỡi mũ	Chiếc
6	Mex cứng	Mét
7	Mex giấy	Mét
8	Đỉnh	Chiếc
9	Khóa cửa sổ	Bộ
10	Nhãn chính +size	Cái
11	Tag giấy	Cái
12	Dây treo tag giấy	Cái
13	Bìa cứng form mũ	Cái

#### IV. QUY CÁCH MAY

S T T	CHI TIẾT	HÌNH ẢNH MINH HỌA
A	<b>Mặt phải</b>	
1	<b>Mặt trước</b> - Ép mex cứng vào 2 múi mặt trước - Trên các múi sò thêu mũi dày theo định vị - Can hai mảnh mặt trước mũ, thêu logo theo định vị - Kích thước hình thêu dài 8cm	
2	- Can sườn mũ với mặt trước mũ	
3	<b>Mặt sau:</b> - Can hai mảnh mũ thân sau	<p style="text-align: center;"><b>MẶT SAU</b></p> 

4	<p>- Can sườn mũ với lưng mũ thân sau</p>	
5	<p>- May lộn lưỡi trái . điều 4 đường cách nhau 0,5 cm.</p>	
6	<p>- Dây tăng giảm kẹp chỉ 3 cạnh - Đóng hộp khóa vào lưng sau mũ bên phải</p>	
<b>B</b>	<b>Mặt trái</b>	
1	<p>- May dây dẹt bản 1,5 cm ộp che đường may</p>	<p>MẶT TRÁI</p> 
2	<p>- May viền lưng sau mũ bản 0,8 cm</p>	

3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- May vành ộp trong mũ , đường may cách nhau 0,8cm</li> </ul>	
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kê vành mũ trong với lưới trai và thân mũ</li> </ul>	
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bọc vải đỉnh mũ</li> <li>- Các đường múi thẳng hàng đối xứng</li> <li>- Đóng đỉnh mũ vào chính giữa tâm</li> </ul>	

#### V. QUY CÁCH THÊU

- Hình thêu nằm chính giữa mũ
- Vị trí thêu theo định vị rập
- Mật độ mũi chỉ 0.3mm, hướng thêu ngang
- Chiều dài mũi: 2.5 - 4.0mm
- Độ phủ chỉ:  $\geq 95\%$  diện tích thêu (không để lộ mặt vải)



#### VI. YÊU CẦU TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VẢI MAY

STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU ( $\pm 2\%$ với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải Kaki Nhung

		2	Màu sắc		Màu đen
		3	Kiểu dệt	TCVN489 7:1989	Vân chéo 3/1
		4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:201 2	100% Bông
		5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	270 G/m <sup>2</sup>
		6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 448 sợi/10cm - Sợi ngang: 192 sợi/10cm
		7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 540N - Theo chiều ngang: 424N
		8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: -9,5% - Theo chiều ngang: 0%
		9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835- C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 3 - Dây màu Diacetat: Cấp 4- 5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamit: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4- 5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4- 5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
		10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 2 - Theo chiều ngang: Cấp 2
		11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538: 2007	- Theo chiều dọc: Cấp 1 - Theo chiều ngang: Cấp 1
		<p><b>VII. YÊU CẦU KỸ THUẬT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sò mũ thêu dày mũ, tròn ko méo</li> <li>- Cách mảnh chắp đều</li> <li>- Đường óp che đường may phẳng không nhăn nhúm</li> <li>- Đường điều đều nhau</li> <li>- Đường điều lưỡi trai thẳng đều</li> <li>- Đường điều vành mũ thẳng đều</li> <li>- Đỉnh mũ bọc vải chặt không bị sênh</li> <li>- Mũ tròn đều , lưỡi trai cân với mũ</li> <li>- Đỉnh đóng chặt, vào chính giữa tâm</li> </ul> <p><b>VIII. TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt sau gập vào trong</li> <li>- Mặt trong thân trước có bìa giữ form</li> </ul> <p>Phần đặt treo tag mac nằm gọn gàng trên mặt trước sản phẩm</p>			
5	Túi vải	<p><b>I. HÌNH ẢNH SẢN PHẨM</b></p>			



## II. THÔNG TIN KÍCH THƯỚC

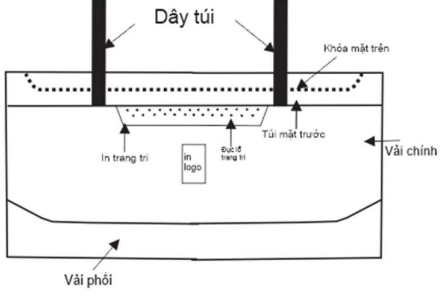
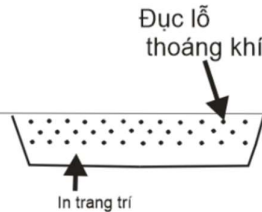
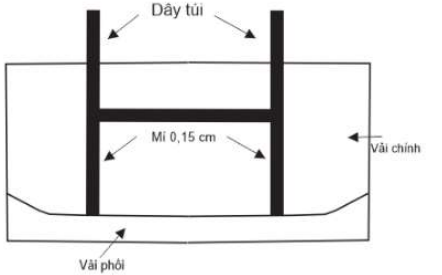
- Dài đáy túi: 47cm
- Rộng đáy túi: 21cm
- Dài đỉnh túi: 42cm
- Chiều cao túi: 27.5 cm
- Rộng thân túi 24cm
- Túi ngoài : 03 túi. Trong đó 01 túi mặt trước, 2 túi sườn trái/phải
- Túi lót trong : 01 túi

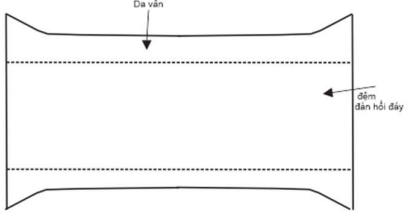
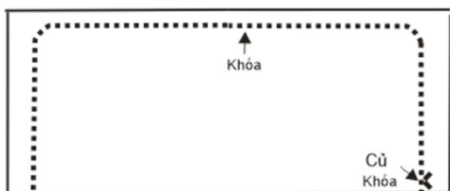
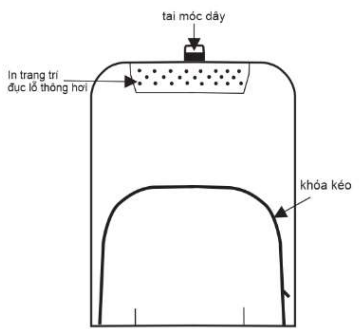
## III. NGUYÊN PHỤ LIỆU

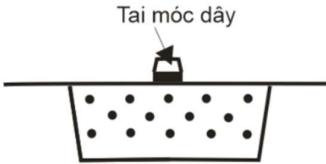
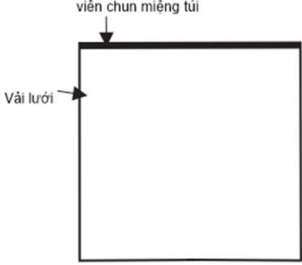
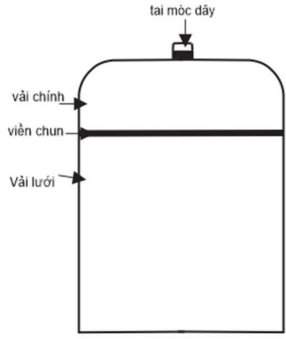
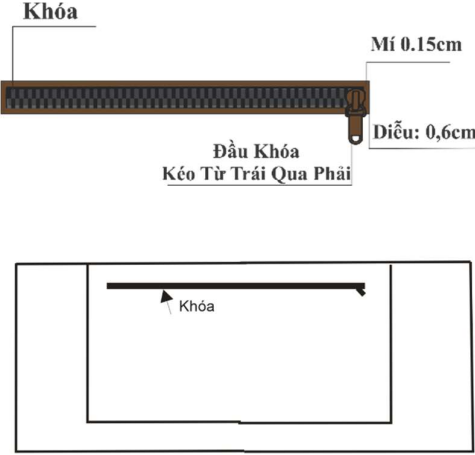
STT	TÊN NGUYÊN PHỤ LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH
1	Vải Oxford	Mét
2	Vải lót	Mét
3	Móc nhựa	Bộ
4	Khóa kéo	Bộ
5	Dây túi 3,8 cm	Mét
6	Dây viền	Mét
7	Chỉ thêu	Mét
8	Túi chống nước	Mét
9	Chỉ chính	Mét
10	Tấm đệm lót đàn hồi đáy	Cái
11	Tag giấy	Cái

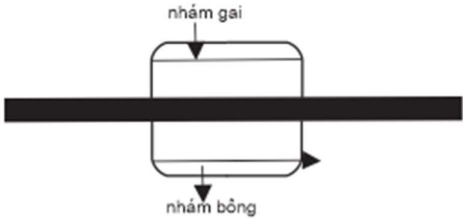
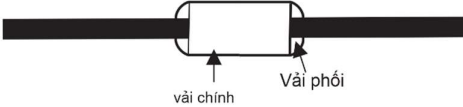
## IV. QUY CÁCH MAY

ST T	CHI TIẾT	HÌNH ẢNH MINH HỌA
------	----------	-------------------

		<p><b>A. Mặt trước túi</b></p> <p><b>1</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- In lo go theo định vị</li> <li>- Túi mặt trước in trang trí theo định vị</li> <li>- Kéo khóa từ trái sang phải .</li> <li>- Dây túi trước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ May gập đôi theo định vị</li> <li>+ Chặn dây túi sách theo định vị</li> <li>+ Can chính với phôi</li> <li>+ Mí điều hai đường: mí 0,15cm và điều 0,6cm</li> <li>+ Viền đường can</li> </ul> </li> </ul>	 <p>The diagram shows a cross-section of the front of a bag. It features a zipper at the top with a pull tab labeled 'Khóa mặt trên'. Two vertical straps, labeled 'Dây túi', are attached to the top flap. The top flap is labeled 'Túi mặt trước'. Below the flap, there is a pocket area with a 'In logo' and 'In trang trí' label. The main body of the bag is labeled 'Vải chính' and the bottom part is 'Vải phôi'. A small pocket at the bottom is labeled 'Mí điều túi'.</p>
		<p><b>2</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đục lỗ thông hơi thoáng khí theo định vị mặt trước và bên hông túi</li> </ul>	 <p>The diagram shows a cross-section of the bag with a row of small dots representing ventilation holes. An arrow points to these holes with the label 'Đục lỗ thông hơi thoáng khí'. Another arrow points to the front panel with the label 'In trang trí'.</p>
		<p><b>B. Mặt lưng túi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- May gập đôi theo định vị</li> <li>- Đặt dây theo định vị</li> <li>- Chặn dây theo định vị, mí xung quanh điểm chặn</li> <li>- Can chính với phôi</li> <li>- Mí điều hai đường: mí 0,15cm và điều 0,6cm</li> <li>- Viền đường can</li> </ul>	 <p>The diagram shows a cross-section of the back of the bag. It features two vertical straps, labeled 'Dây túi', attached to the back panel. The back panel is labeled 'Vải chính' and the bottom part is 'Vải phôi'. A horizontal strap across the back is labeled 'Mí 0,15 cm'.</p>
		<p><b>C. Mặt đáy túi</b></p>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáy túi bằng da vân.</li> <li>- May tấm đệm đàn hồi đáy theo định vị.</li> </ul>	 <p>Da vân</p> <p>đệm đàn hồi đáy</p>
		<p><b>D. Mặt trên</b></p>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng khóa hai chiều</li> <li>- Ghim nắp túi chính với nắp túi lót</li> <li>- Ghim khóa với nắp túi trên</li> <li>- Viền đường ghim khóa với nắp túi</li> <li>- Ghim mặt trên túi với lót</li> <li>- Ghim khóa với mặt trên túi</li> <li>- Viền đường ghim khóa</li> <li>- Can mặt trên túi với mặt trước và mặt lưng túi</li> <li>- Viền đường can</li> </ul>	 <p>Khóa</p> <p>Củ Khóa</p>
		<p><b>E. Túi, dây, đệm vai:</b></p>	
<p><b>1</b></p>		<p><b>Túi sườn bên phải: ngăn đựng giày</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- In trang trí lên hông túi bên phải</li> <li>- Tra khóa với miệng túi sườn</li> <li>- Viền đường can</li> <li>- Tra khóa với hông sườn bên phải</li> <li>- Chặn tai móc theo định vị</li> <li>- Lộn lót với đường may</li> <li>- Kéo khoá từ trái sang phải</li> </ul>	 <p>tai móc dây</p> <p>In trang trí đục lỗ thông hơi</p> <p>khóa kéo</p>

		<p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miệng túi sườn bên phải có in trang trí và đục lỗ thông hơi thoáng khí</li> </ul>	
		<p>3</p> <p><b>Túi sườn bên trái</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viên miệng túi lưới.</li> </ul>	
		<p>4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viên miệng túi.</li> <li>- Ghim túi lên thân sườn trái.</li> <li>- Chặn tai móc theo định vị.</li> <li>- Ghim với lót, với đường may.</li> </ul>	
		<p>5</p> <p><b>Túi lót trong :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng chất liệu chống nước</li> <li>- Bỏ túi lót theo định vị</li> <li>- Khóa kéo từ trái sang phải</li> <li>- Các đường may ép nhiệt kỹ ko bong</li> <li>- Ghim túi lót với lưng sau</li> </ul>	

6	<p><b>Dây túi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây túi sau bản 3,8cm, may gấp đôi theo định vị .</li> <li>- Đai kẹp dây nhám nhám dính viền xung quanh</li> <li>- Dây túi sau chặn đai kẹp dây theo định vị</li> </ul>	
7	<p><b>Đệm vai :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghim hai lá đệm vai vải phối , có bọc đệm bên trong.</li> <li>- Ghim lá đệm vai vải chính , viền xung quanh đệm vai</li> <li>- Luồn dây đeo vai qua đệm vai.</li> <li>- Hai đầu dây vai chặn móc nhựa</li> </ul>	

## V. QUY CÁCH THÊU

- Hình thêu nằm chính giữa thân túi
- Vị trí thêu theo định vị rập
- Kích thước hình thêu thành phẩm: .....
- Mật độ mũi chỉ 0.3mm, hướng thêu ngang



## VI. YÊU CẦU TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VẢI MAY

### 1. Vải chính

STT	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU ( $\pm 2\%$ với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải Kakiflex
2	Màu sắc		Màu đỏ
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	100% Polyester

5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	299 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 220 sợi/10cm - Sợi ngang: 140 sợi/10cm
7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 1789N - Theo chiều ngang: 1057N
8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: -1% - Theo chiều ngang: 0%
9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	- Thay đổi màu: Cấp 4-5 - Dây màu Diacetat: Cấp 4-5 - Dây màu Bông: Cấp 4-5 - Dây màu Polyamid: Cấp 4-5 - Dây màu Polyeste: Cấp 4-5 - Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538:2007	- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5

## 2. Vải phối

S T T	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU (±2% với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải Da P-Extra
2	Màu sắc		Màu đen
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	100% Polyester
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	495 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	- Sợi dọc: 125 sợi/10cm - Sợi ngang: 115 sợi/10cm
7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	- Theo chiều dọc: 674N - Theo chiều ngang: 628N
8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	- Theo chiều dọc: -0,5% - Theo chiều ngang: -0,5%

		9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835-C10:2007	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi màu: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Diaxetat: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Bông: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Polyamid: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Polyeste: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Acrylic: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Len: Cấp 4-5</li> </ul>
		10	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo chiều dọc: Cấp 4-5</li> <li>- Theo chiều ngang: Cấp 4-5</li> </ul>
		11	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538: 2007	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo chiều dọc: Cấp 4-5</li> <li>- Theo chiều ngang: Cấp 4-5</li> </ul>

### 3. Vải lót

S T T	CHỈ TIÊU	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG	YÊU CẦU (±2% với các chỉ số đơn vị)
1	Tên vải		Vải Liningfit
2	Màu sắc		Màu đen
3	Kiểu dệt	TCVN4897:1989	Vân điểm
4	Thành phần sợi	ISO/TR 11827:2012	100% Polyester
5	Khối lượng g/1m <sup>2</sup> vải	TCVN 8042:2009	66 G/m <sup>2</sup>
6	Mật độ sợi	TCVN 1753:1986	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sợi dọc: 278 sợi/10cm</li> <li>- Sợi ngang: 160 sợi/10cm</li> </ul>
7	Độ bền kéo đứt bằng vải	TCVN 1754:1986	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo chiều dọc: 683N</li> <li>- Theo chiều ngang: 435N</li> </ul>
8	Độ thay đổi kích thước sau giặt	TCVN 8041:2009	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo chiều dọc: 0%</li> <li>- Theo chiều ngang: -0,5%</li> </ul>
9	Độ bền màu giặt xà phòng ở 40 độ C	TCVN 7835- C10:2007	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi màu: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Diaxetat: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Bông: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Polyamid: Cấp 4-5</li> <li>- Dây màu Polyeste: Cấp 4-5</li> </ul>

				- Dây màu Acrylic: Cấp 4-5 - Dây màu Len: Cấp 4-5
1 0	Độ bền màu ma sát khô	TCVN 4538:2007		- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
1 1	Độ bền màu ma sát ướt	TCVN 4538:2007		- Theo chiều dọc: Cấp 4-5 - Theo chiều ngang: Cấp 4-5
<p><b>VII. YÊU CẦU KỸ THUẬT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm vệ sinh công nghiệp sạch sẽ</li> <li>- Tất cả các đường may phải đảm bảo êm phẳng, không căng chi, sùt chi, bỏ mũi, nhấn, bai</li> <li>- Các đường diễu không được nổi chi</li> <li>- Đường tra khóa phải đều, khóa tra xong không bị vắn, sóng</li> <li>- Sản phẩm may xong phải đạt yêu cầu kỹ thuật</li> </ul> <p><b>VIII. TIÊU CHUẨN ĐÓNG GÓI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần đặt treo tag mac nằm gọn gàng trên mặt trước sản phẩm</li> <li>- Đai giấy cuộn ngoài chắc chắn, theo hướng nằm ngang của sản phẩm</li> </ul>				

### 1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

- Tài chính:

+ Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

+ Nhà thầu có đề xuất cụ thể giá trị % thuế VAT của từng hàng hoá. Mức thuế suất giá trị gia tăng đối với các loại hàng hoá của các nhà thầu khi dự thầu được áp dụng chung với mức thuế suất giá trị gia tăng lập giá gói thầu. Việc xác định mức thuế VAT nhà thầu phải nộp khi thực hiện hợp đồng sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu khối lượng công việc, bàn giao hàng hóa, căn cứ theo loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... và được điều chỉnh khi có sự thay đổi về thuế VAT theo quy định.

- Cung cấp lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu: Nhà thầu các nội dung thuyết minh về lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu phù hợp với hàng hóa và quy định.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu 12 tháng và theo công bố của nhà sản xuất (áp dụng điều kiện cao hơn). Nhà thầu cam kết

sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc bảo hành trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

- Giao hàng:

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hoả, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ quà trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

- Khối lượng tăng giảm: Nhà thầu có cam kết sẽ cung cấp đầy đủ hàng hóa trong phạm vi tăng 10% khi có yêu cầu của Chủ đầu tư khi ký và thực hiện hợp đồng, cam kết cắt giảm hàng hóa trong phạm vi 10% khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

## **Mục 2. Bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu. Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện. Địa điểm nộp hàng hóa tại trụ sở Tư vấn đánh giá E-HSMT, giao đại diện đơn vị Tư vấn.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan

do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.